TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 10-3-2020
V/v tranh chấp Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: tổ 09, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H có ông Phạm Thái B, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: tổ 18, ấp H, thị trấn A, huyện C1, An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019); Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái C, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của ông C có ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019); Có mặt.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị U, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: số 39, khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của bà U có ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: tổ 09, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2018); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H trình bày: Ngày 05/3/2017, ông bà có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Trần Thị U. Trong thời gian chờ đo đạc để chuyển nhượng, vào tháng 8/2017 ông Nguyễn Thái C sử dụng kobe lấy hết phần lớp đất mặt của ông bà đã mua của bà U, với tổng khối lượng khoảng 6.000m^3 (sâu khoảng 3,15m; dài khoảng 128,5m; ngang khoảng 13,6m). Sau khi phát hiện sự việc, bà U khiếu nại và ngày 18/8/2017, Ủy ban nhân dân xã L1 tiến hành hòa giải, ông C thống nhất bồi thường nếu phần đất đã lấy thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà U. Nay, ông T, bà H yêu cầu ông C trả tiền khối lượng đất khoảng trên 6.000m^3 x 180.000đồng/m^3 = 1.080.000.000đồng nếu ông C không đồng ý trả tiền thì ông C có nghĩa vụ khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đòi bị đơn bồi thường giá trị phần lớp đất mặt bị lấy đi thành tiền là 560.700.000đồng.

Ông Nguyễn Lưu Q là người đại diện của bị đơn trình bày: Ông C không thừa nhận lấy phần lớp đất mặt của ông T, bà H và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T, bà H. Tại phiên tòa, bị đơn nêu lý do không đồng ý bồi thường là do vào thời điểm nguyên đơn mua đất của bà U là đã có hầm; ông C không có lấy lớp đất của ông T, đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ngày 14/6/2019, cụ thể phần đất ao diện tích 873m^2, chiều sâu 3,15m; phần đất bờ thấp 102m^2, chiều sâu 2,1m; phần đất bờ cao 254m^2, chiều sâu 0,6m theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 01/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề xuất: Đình đình chỉ việc giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về bồi thường thiệt hại hợp đồng với ông Thái Chí C. Ông C có nơi cư trú ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang và sự việc xảy ra tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[1.2] Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ông C bồi thường tiền khối lượng đất mặt lấy đi thành tiền 560.700.000đồng. Căn cứ khởi kiện là biên nhận mua đất ngày 05/3/2017, giấy ủy quyền của bà U, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả hòa giải ngày 18/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L1 giải quyết tranh chấp giữa bà U và ông C có nội dung "hai bên thỏa thuận sau khi có kết quả đo đạc nếu phần đất đã lấy đi thuộc quyền sử dụng của bà U thì ông C sẽ trả lại hiện trạng lớp đất mặt". Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ, đo đạc và kết quả hòa giải của xã L1 đã có cơ sở xác định ông C chính là người đã lấy đi phần đất mặt, gây thiệt thiệt hại về khối lượng lớp đất mặt. Tuy nhiên, theo kết quả hòa giải của xã L1 thì ông C chỉ cam kết và thỏa thuận bồi thường cho bà U, trong khi đó, lúc bà U đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, bà H, không thể hiện chuyển giao luôn quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với ông C nên ông T, bà H không có quyền khởi kiện đối với ông C. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ việc giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo.

[3] Về chi phí: Ông Nguyễn Văn T tạm nộp chi phí định giá là 1.000.000đồng, chi phí đo đạc là 1.196.800đồng và Tòa án đã thực hiện. Do ông rút lại yêu cầu khởi kiện nên phải chịu chi phí này.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 589 Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 35, 39, 147, 164, 165, 166, 192, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1) Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền bồi thường.

2) Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H đòi ông Nguyễn Thái C bồi thường giá trị phần lớp đất mặt thành tiền là 560.700.000đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Bản vẽ hiện trạng ngày 01/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới là một bộ phận không thể tách rời bản án; đình chỉ việc giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H.

Về chi phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí định giá là 1.000.000đồng (Bằng chữ: một triệu đồng), chi phí đo đạc là 1.196.800đồng

(Bằng chữ: một triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Ông T đã nộp đủ.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.200.000đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012874 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng